

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 119/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/4/2024.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thom

Ông Nguyễn Đức Hạnh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hồng Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 69/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Mạc Thị T**, sinh năm 2000,

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi làm việc: Hàn Quốc.

Người được chị T uỷ quyền giao nhận văn bản tố tụng: Chị Vũ Thị C, sinh năm 1990. Địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đ, TP C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Bùi Trường G**, sinh năm 1994,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư L, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Hàn Quốc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Mạc Văn B**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Khu dân cư T, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Chị T, anh G và ông B vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mạc Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Trường G tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Đ tại Hàn Quốc vào ngày 20/10/2021. Anh G sang Hàn Quốc xuất khẩu lao động từ năm 2016, chị sang Hàn Quốc du học năm 2020. Sau khi kết hôn, chị và anh G chuyển về chung sống cùng nhau. Đến cuối năm 2021, sau khi sinh con, do vợ chồng có công việc bận và chị thường xuyên đi lại giữa hai nước Việt Nam và Hàn Quốc nên đã gửi con về cho ông bà nội và ông bà ngoại hỗ trợ chăm sóc. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống. Cuộc hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm phai nhạt nhưng vì con nhỏ chị và anh G đã cố gắng hoà giải, gia đình hai bên đã động viên nhiều lần nhưng không khắc phục được mâu thuẫn nên chị và anh G đã sống ly thân. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh G để sớm ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: Chị và anh G có 01 con chung là cháu Bùi Minh Q, sinh ngày 30/12/2021. Khi ly hôn, do cháu Q còn nhỏ nên chị có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Chị không yêu cầu anh G cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Do chị là lao động hợp pháp thường xuyên đi lại giữa hai nước Việt Nam và Hàn Quốc, còn anh G là lao động bất hợp pháp không thể về nước, nên giao con cho chị sẽ đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của con và chị sẵn sàng tạo mọi điều kiện để con chung được về chơi với ông bà nội một cách hợp lý. Trong thời gian chị không ở trong nước, chị ủy quyền cho bố đẻ là ông Mạc Văn B thay chị chăm sóc, hàng tháng chị sẽ gửi tiền về để ông bà ngoại chăm sóc cháu.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do chị T không cung cấp được địa chỉ của anh G ở Hàn Quốc nên Tòa án đã tiến hành xác minh với gia đình anh G. Bà Nguyễn Thị C1 (là mẹ đẻ của anh G) trình bày: Anh G vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình bà qua điện thoại. Tuy nhiên, B1 không biết địa chỉ cụ thể của anh G ở nước ngoài nên không cung cấp được cho Tòa án, mặc dù đã được Tòa án yêu cầu nhiều lần. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh G biết. Anh G đã biết việc chị T yêu cầu giải quyết ly hôn và anh có thông báo cho bà biết quan điểm của anh là, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không khắc phục được mâu

thuần, nay chị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý. Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là Bùi Minh Q, sinh năm 2021. Cháu Q ở với gia đình bà C1 từ nhỏ đến nay. Nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, anh G đề nghị giao cháu Q cho anh G được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh G không ở trong nước, anh G nhờ bà C1 giúp đỡ chăm sóc cháu Q cho đến khi anh G về nước và bà cũng đồng ý nhận nuôi cháu giúp anh G vì cháu Q được bà chăm sóc từ nhỏ, có nhiều tình cảm với ông bà ngoại. Về tài sản chung: anh không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Mạc Văn B (là bố đẻ của chị T) trình bày: Do tính chất công việc nên chị T vẫn thường xuyên đi lại giữa hai nước Việt Nam và Hàn Quốc. Giữa chị T và anh G có mâu thuẫn gì không thì ông không nắm được vì cả hai vợ chồng đều đi làm ăn xa. Nếu vợ chồng không còn tình cảm, nay ly hôn thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị T và anh G có 01 con chung là Bùi Minh Q, sinh ngày 20/12/2021. Cháu Q thường ở bên nhà ông còn bên gia đình nhà nội đón sang thì ông cũng không ngăn cản. Tiền ăn học đều do chị T và gia đình ông đóng cho cháu Q, hiện tại sức khỏe thể chất, tinh thần cháu đều tốt, học hành đầy đủ. Khi ly hôn, chị T đề nghị giao cháu Q cho chị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh G cấp dưỡng. Trong thời gian chị T không ở trong nước, chị T ủy quyền cho ông thay chị chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi chị về nước và sẽ gửi tiền hàng tháng về để ông chăm sóc cháu, ông đồng ý nhận ủy quyền của chị T.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị T có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B có quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Mạc Thị T ly hôn anh Bùi Trường G; Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 con chung là Bùi Minh Q, sinh ngày 30/12/2021 cho đến khi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị T không ở trong nước, giao cháu Q cho ông Mạc Văn B thay chị chăm sóc con chung cho đến khi chị về nước; Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không

yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Mạc Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh Bùi Trường G. Anh G hiện đang sinh sống và lao động tại Hàn Quốc, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại khu dân cư L, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Chị T vắng mặt tại phiên toà và có đơn đề nghị xử vắng mặt, ông B có quan điểm xin vắng mặt, anh G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa những vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh G và ông B.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mạc Thị T và anh Bùi Trường G tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Đ tại Hàn Quốc vào ngày 20/10/2021 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống. Cuộc hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm phai nhạt nhưng vì con nhỏ chị và anh G đã cố gắng hàn gắn, gia đình hai bên khuyên giải, động viên nhiều lần nhưng không được. Chị T và anh G đã sống ly thân, nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu ly hôn, anh G cũng đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh G đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh G là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị T và anh G có 01 con chung là cháu Bùi Minh Q, sinh ngày 30/12/2021. Mặc dù anh G, bà C1 có nguyện vọng tha thiết nuôi con, chăm sóc cháu là hợp lý và chính đáng, nhưng xét thấy cháu Q chưa đủ 36 tháng tuổi, chị T kiên quyết đề nghị Toà án giao con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và thực tế chị T có điều kiện thường xuyên về nước thăm nom con, có bố đẻ nhất trí hỗ trợ chị chăm sóc con khi chị không ở trong nước; còn về phần anh G, thì chính bà C1 cho biết anh không thể thường xuyên về nước do

anh đang ở tình trạng cư trú không hợp pháp tại Hàn Quốc nên khó khăn hơn trong việc chăm sóc con. Vì vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì cần giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, trong thời gian chị đi vắng thì ông B có trách nhiệm chăm sóc cháu Q thay cho chị. Anh Bùi Trường G được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Cần chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mạc Thị T được ly hôn anh Bùi Trường G.

2. Về con chung: Giao cho chị Mạc Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Minh Q, sinh ngày 30/12/2021, thời gian từ tháng 04/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh G cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị T không có ở trong nước, giao cháu Q cho ông Mạc Văn B (là bố đẻ chị T, ông ngoại cháu Q) thay chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Bùi Trường G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Mạc Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số 0000455 ngày 05/02/2024 (chị T đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh G vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Ông B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. /.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường